

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM SÁCH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 19/6/2023

**V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị P Nga.

2. Bà Nguyễn Minh Trang.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Phạm Thị Hiên - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hiên - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 111/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24/5/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2023/QĐHPTST-HNGĐ ngày 12/6/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Ngô Thị T, sinh năm 1985.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã T, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

Nơi ở hiện nay: Thôn U, xã M, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1982.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn C, xã T, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

Chị T có mặt, anh Đ vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Ngô Thị T trình bày: Chị Ngô Thị T và anh Nguyễn Văn Đ được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã T,

huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương ngày 14/9/2004. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại nhà của bố mẹ anh Đ. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không có sự hòa hợp, thường bất đồng quan điểm trong sinh hoạt, lối sống và hướng làm kinh tế gia đình. Anh Đ thường tỏ ý coi thường chị và gia đình chị. Gặp mẹ chị hoặc người thân của chị, anh Đ không chào hỏi. Khi chị đi làm, điện thoại phải đưa cho tổ trưởng cầm, anh Đ nhắn tin, gọi điện đến chửi chị, nói chị đi với người này người khác khiến chị xấu hổ với mọi người ở công ty. Do kinh tế khó khăn, chị bàn với anh Đ để cho chị đi nước ngoài vài năm nhưng anh Đ không đồng ý. Do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, chị đã làm đơn xin ly hôn anh Đ nhiều lần nhưng anh Đ không đồng ý, xé đơn ly hôn và xin lỗi thì chị bỏ qua. Tuy nhiên, anh Đ vẫn không thay đổi cách cư xử và lối sống khiến chị cảm thấy rất bức bối. Chị tiếp tục đề nghị được đi nước ngoài làm ăn, anh Đ không đồng ý nhưng chị kiên quyết đi để có kinh tế lo cho gia đình. Chị nhờ chị gái chị vay tiền giúp để làm thủ tục đi Đài Loan. Tháng 7 năm 2022, chị sang Đài Loan làm ăn. Hai tháng đầu, chị phải làm để trả nợ tiền lo giấy tờ đi lao động nên chưa có tiền gửi về cho anh Đ. Tuy nhiên trước khi đi, chị để lại cho anh Đ 20.000.000đồng, 01 chỉ vàng, ba con bò để anh Đ nuôi con. Từ tháng thứ ba, chị vừa phải làm lo trả nợ, vừa phải gửi tiền về cho chị gái chị để đưa cho con gái chị hoặc đưa cho anh Đ nộp tiền học và nuôi các con. Sau đó, do làm ăn thất thoát và bị bắt ở bên Đài Loan nên chị phải gọi điện về cầu cứu anh Đ ở nhà lo vay 150.000.000đồng gửi sang cho chị để lo thủ tục cho chị ra ngoài và về Việt Nam. Ban đầu anh Đ bảo sẽ bán bò đi để lo cho chị. Sau đó, anh Đ nhắn sang cho chị là chị phải tự lo chứ anh Đ không lo được cho chị. Chị phải cầu cứu chị gái và mẹ đẻ chị. Tuy nhiên, chị tiếp tục nhắn cho anh Đ hỏi là *anh có lo cho em không*. Anh Đ nhắn cho chị là *mày tự lo đi*. Chị nhắn lại cho anh Đ là nếu chị về được Việt Nam thì chị sẽ làm đơn xin ly hôn anh Đ. Anh Đ nhắn lại cho chị là *Mày về làm đơn ly hôn, tao ký*. Sau đó, chị phải vay người thân bên gia đình chị mỗi người một ít để lo giấy tờ về Việt Nam. Tháng 3 năm 2023, chị về Việt Nam, chị không về nhà anh Đ mà về thẳng nhà mẹ chị vì thực sự chị không thể chấp nhận được anh Đ nữa. Khi anh Đ ốm đau, khó khăn, chị hết lòng lo lắng, chăm sóc cho anh Đ. Khi chị khó khăn, anh Đ bỏ mặc chị. Như vậy, tình cảm vợ chồng không còn nữa. Chị và anh Đ đã sống ly thân nhau. Chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là Nguyễn Thị P, sinh ngày 17/12/2005 và Nguyễn Văn Q, sinh ngày 29/9/2012. Khi ly hôn, chị xin được nuôi con chung là Nguyễn Thị P, giao con chung là Nguyễn Văn Q cho anh Đ nuôi dưỡng. Chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là Nguyễn Văn Q cùng anh Đ số tiền 1.500.000đồng/tháng đến khi cháu Q thành niên. Hiện nay chị làm lao động tự do, chị vẫn đang ở cùng nhà với mẹ đẻ chị.

Tài sản chung, nợ chung, công sức chung: Anh chị tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết tại Tòa án bị đơn – anh Nguyễn Văn Đ trình bày:
Về quá trình, điều kiện kết hôn, anh thống nhất với chị T. Về mâu thuẫn vợ chồng: Chị T trình bày có phần đúng, có phần sai. Quá trình chung sống, thỉnh thoảng anh có chửi chị T, khi gặp mẹ chị T anh không chào đúng như chị T trình bày. Khi chị T đề nghị đi nước ngoài, anh không đồng ý nhưng chị T vẫn tự lo đi Đài Loan. Sau khi chị T bị bắt, chị T nhấn về cho anh bảo lo 150.000.000đồng, anh không biết gì và có đi hỏi mấy người trong gia đình về việc nếu bị bắt ở bên đó như thế thì phải mất bao nhiêu tiền mới lo đưa được chị T về. Người nhà anh nói với anh chỉ mất 20.000.000đồng Anh nhấn cho chị T là anh chỉ lo thế thôi. Chị T nhấn là không đủ. Anh hỏi em gái con nhà ông chú thì họ cũng nói là chỉ phải chi phí số tiền khoảng hơn 10.000.000đồng là chị T được về. Anh thấy chị T nói như vậy là mâu thuẫn, đồng thời anh cũng không vay đâu được tiền. Do đó, anh đến gặp chị gái chị T là chị Vui nhờ chị Vui lo cho chị T về. Sau này, chị T về Việt Nam rồi thì sẽ tính toán sau. Chị T trình bày về việc anh chị nhấn tin qua lại với nhau như trên là đúng. Lý do là vì anh buồn và uống rượu vào chứ không phải anh không thương chị T. Chị T về nước, anh biết lỗi của mình nên nhờ họ hàng đến nhà chị T xin lỗi và xin đón chị T về nhưng chị T không về. Anh vẫn còn tình cảm với chị T, mong chị T về chung sống cùng anh và con để các con có bố có mẹ. Anh sẽ thay đổi cách sống để vợ chồng được hòa thuận, vui vẻ.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là Nguyễn Thị P, sinh ngày 17/12/2005 và Nguyễn Văn Q, sinh ngày 29/9/2012. Nếu phải ly hôn, anh xin được nuôi cháu Q, giao cháu P cho chị T nuôi dưỡng. Anh đồng ý với sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của chị T số tiền 1.500.000đồng/tháng đối với cháu Q. Hiện nay anh làm lao động tự do, anh vẫn đang ở cùng nhà với bố mẹ đẻ anh.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức chung: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Người làm chứng:

Anh Nguyễn Văn Chức trình bày: Anh là anh trai của anh Đ. Nhà anh ở sát với nhà bố mẹ đẻ anh và anh Đ. Anh Đ và chị T tự nguyện kết hôn và chung sống cùng nhau tại nhà của bố mẹ đẻ anh. Quá trình chung sống, chị T và anh Đ chỉ có mâu thuẫn nhỏ, không đánh cãi nhau. Gần đây, chị T muốn đi nước ngoài nhưng anh Đ không đồng ý. Tuy nhiên chị T vẫn quyết tâm đi Đài Loan làm ăn từ tháng 7 năm 2022. Khi chị T về Việt Nam, chị T không về chung sống cùng anh Đ. Nguyên nhân có thể là do anh Đ không đồng ý cho chị T đi nước ngoài. Gia đình anh đã sang nói chuyện với gia đình chị T để hòa giải cho anh chị và

mong chị T về với anh Đ nhưng chị T không về. Nay chị T xin ly hôn, đề nghị Tòa án hòa giải cho anh chị. Anh chị có hai con chung đều đang ở với chị T. Nếu phải ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh chị và các cháu. Anh Đ và chị T đều rất chịu khó làm ăn. Hiện nay anh Đ vẫn ở cùng nhà với bố mẹ đẻ anh. Bố anh là người tàn tật, không nói được, trí nhớ không tốt. Mẹ anh bị yếu hai chân, không đi lại được, không đọc không ký được. Bố mẹ anh đều đang được hưởng trợ cấp của Nhà nước, không làm việc, không có thu nhập gì. Mọi công việc trong gia đình, anh là người lo liệu.

Bà Trần Thị V trình bày: Bà là mẹ đẻ của chị T. Chị T và anh Đ tự nguyện kết hôn với nhau và sống cùng gia đình chồng. Quá trình chung sống, chị T và anh Đ có nhiều mâu thuẫn. Anh Đ nói năng hỗn láo, coi thường bà vì có thể là do vợ chồng bà đã ly hôn, nhà lại nghèo khó. Khi chị T sinh cháu P, bà lên nhà anh chị chăm cháu giúp vì bố anh Đ bị bệnh nên không hỗ trợ được cho các con. Ngay thời gian đó chị T và anh Đ đã có mâu thuẫn. Một thời gian sau, do không chịu đựng được, chị T đã phải bỏ về nhà bà ở. Bà khuyên chị T về với chồng, anh Đ cũng sang xin lỗi và đón chị T về nên chị T quay về sống với anh Đ. Từ đó đến nay, anh chị vẫn tiếp tục có mâu thuẫn, chị T còn bỏ về nhà bà ở vài lần nữa. Nguyên nhân cũng chỉ vì anh Đ hay chửi chị T. Thậm chí ngày tết, anh Đ còn đến nhà bà nói to và chửi chị T. Anh Đ còn đi phá rau của người làng, chị T phải đi xin lỗi và bồi thường tiền họ mới không báo công an. Gần đây, chị T đi Đài Loan lao động, anh Đ không đồng ý, không lo cho chị T. Khi chị T bị bắt, anh Đ cũng bỏ mặc. Anh Đ đến nhà bà nói là nhà nhà phải tự lo cho chị T. Mặc dù anh Đ có ba con bò, có khả năng vay mượn tiền của người nhà để lo cho vợ. Chị T về Việt Nam vào tháng 3 năm 2023 thì về nhà bà ở đến nay. Gia đình anh Đ có đến nhà bà nói chuyện và xin chị T về nhưng chị T không đồng ý. Nay chị T xin ly hôn, anh chị đã trưởng thành nên tự quyết định. Anh chị có hai con chung hiện đang ở với bà và chị T. Nếu chị T được nuôi con, bà tạo điều kiện về chỗ ở và trông nom con giúp chị T khi chị T bận công việc.

Cháu Nguyễn Thị P trình bày: Từ khi cháu lớn và nhận biết được, cháu thấy bố mẹ cháu hay cãi nhau vì bố cháu hay nói, hay chửi mẹ cháu. Cháu không biết lý do vì sao. Mẹ cháu đã mang chị em cháu về ở với bà ngoại mấy lần rồi. Bố cháu lên xin lỗi thì mẹ cháu lại mang chị em cháu về ở với bố cháu và ông bà nội. Năm 2022, mẹ cháu đi Đài Loan lao động, được một thời gian ngắn, cháu đã thấy mẹ cháu nhắn cho bố cháu là mẹ cháu bị bắt. Khi mẹ cháu về Việt Nam là về ở với bà ngoại cháu. Sau đó, chị em cháu tự đến nhà bà ngoại ở cùng mẹ cháu.

Nếu chị T và anh Đ ly hôn, cháu P có nguyện vọng được ở với chị T, cháu Q có nguyện vọng được ở với anh Đ.

Kết quả xác minh tại địa P: Chị T và anh Đ kết hôn với nhau và sinh sống tại thôn C, xã T, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương. Quá trình chung sống, anh chị không có mâu thuẫn, không cãi nhau, đánh nhau. Thời gian gần đây, chị T đi Đài Loan làm ăn. Một thời gian sau, chị T về Việt Nam thì không về sống cùng anh Đ. Chị T đang ở đâu thì địa P không nắm được. Nguyên nhân vì sao chị T không về sống cùng anh Đ thì địa P không rõ. Theo thông tin từ người nhà anh Đ thì từ khi chị T bỏ đi, gia đình anh Đ có đến nói chuyện để xin phép đón chị T về nhưng chị T không đồng ý. Nay chị T xin ly hôn, đề nghị Tòa án hòa giải cho anh chị. Nếu không hòa giải được, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Anh chị có hai con chung. Cả hai cháu đã đi cùng chị T. Anh Đ làm nông nghiệp, chị T làm tự do.

Tại phiên tòa: Chị T giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh Đ. Chị xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đã lâu, nhưng do chị chịu nhịn nên chỉ có người thân trong ai đình biết chuyện. Do không chịu đựng được tính cách của anh Đ nên đã nhiều lần chị bỏ về nhà ở với mẹ chị và làm đơn ly hôn nhưng anh Đ không đồng ý, xin lỗi thì chị lại về sống cùng anh Đ. Sau đó anh chị có nhiều mâu thuẫn. Đỉnh điểm là việc chị bị bắt ở Đài Loan, chị cầu cứu anh giúp chị nhưng anh đã bỏ mặc chị. Đến nay chị không thể sống cùng anh Đ được nữa vì chị thấy thực sự tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được. Hiện nay, cháu P đang ở cùng chị. Cháu Q đã về ở cùng anh Đ. Khi ly hôn, chị đề nghị được nuôi cháu P và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi cháu P cùng chị; Giao cháu Q cho anh Đ nuôi dưỡng. Chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Q cùng anh Đ số tiền là 1.500.000đồng/tháng đến khi cháu Q thành niên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương trình bày việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên tòa chấp hành đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, chấp hành đúng quy định của pháp luật; Bị đơn chưa chấp hành chưa đầy đủ quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T. Tuyên xử: Chị Ngô Thị T ly hôn anh Nguyễn Văn Đ. Về con chung: Khi ly hôn, giao con chung là Nguyễn Thị P cho chị T, giao con chung là Nguyễn Văn Q cho anh Đ nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T về việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung là Nguyễn Văn Q cùng anh Đ số tiền là 1.500.000đồng/tháng đến khi cháu Q thành niên. Anh, chị được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai

được cản trở. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn và 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp, chị T còn phải chịu 300.000đồng tiền án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn Đ đã được tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị T và anh Nguyễn Văn Đ được tự do tìm hiểu, tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương ngày 14/9/2004. Như vậy, hôn nhân giữa chị T và anh Đ là hôn nhân hợp pháp.

Chị T và anh Đ đều xác định, quá trình chung sống, anh chị có mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm về lối sống và về công việc của chị T. Chị T đã nhiều lần bỏ nhà anh Đ về nhà mẹ đẻ ở và xin ly hôn. Sau đó, anh Đ xin lỗi và đón về thì chị T bỏ qua. Năm 2022, chị T muốn đi nước ngoài làm ăn kinh tế lo cho gia đình nhưng anh Đ không đồng ý. Chị T quyết tâm đi Đài Loan nên đã tự lo vay mượn để đi. Không may làm ăn thất thoát và bị bắt ở Đài Loan, chị T nhắn cho anh Đ lo tiền để chị làm thủ tục về Việt Nam nhưng anh Đ đã bỏ mặc chị tự lo liệu, anh Đ đến nhà chị báo mẹ và chị gái chị T phải tự lo cho chị. Khi anh đau ốm, chị T hết lòng chăm sóc, khi chị gặp nạn, anh Đ không giúp chị mặc dù anh chị vẫn còn tài sản là ba con bò có thể bán đi và anh Đ có thể vay mượn được người nhà để giúp chị T. Điều đó khiến chị T thấy anh Đ không còn tình cảm với chị. Chị đã nói với anh Đ khi chị về được Việt Nam, chị sẽ ly hôn anh và anh đồng ý. Từ tháng 3 năm 2023, chị T về Việt Nam và không chung sống cùng anh Đ đến nay.

Qua lời khai của các đương sự, người làm chứng và cung cấp của địa P, Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh Đ là có thật. Hai bên gia đình đã hòa giải cho anh chị nhưng không có kết quả. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Cần chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị T ly hôn anh Đ để hai bên ổn định cuộc sống là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh chị đã tự thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con sau khi ly hôn. Sự thỏa thuận của chị T và anh Đ phù hợp với nguyện vọng của các con. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của anh chị, giao con chung là Nguyễn Thị P, sinh ngày 17/12/2005 cho chị T trực tiếp trông nom,

chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến khi con chung thành niên, chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi cháu P cùng chị. Giao con chung là Nguyễn Văn Q, sinh ngày 29/9/2012 cho anh Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến khi con chung thành niên; Chấp nhận sự tự nguyện của chị T cấp dưỡng nuôi cháu Q cùng anh Đ số tiền 1.500.000đồng/tháng đến khi cháu Q thành niên là phù hợp với Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức chung: Chị T và anh Đ không đề nghị Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị T.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Ngô Thị T ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

- *Về con chung:* Khi ly hôn, giao con chung là Nguyễn Thị P, sinh ngày 17/12/2005 cho chị T, giao con chung là Nguyễn Văn Q, sinh ngày 29/9/2012 cho anh Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến khi các con chung thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi cháu P cùng chị T. Chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Q cùng anh Đ số tiền 1.500.000đồng/tháng đến khi cháu Q thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con.

Kể từ ngày anh Đ có đơn yêu cầu thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con mà chị T không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì chị T còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- *Về tài sản chung, nợ chung, công sức chung:* Chị T và anh Đ không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Ngô Thị T phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Được trừ vào số tiền

300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0004062 ngày 25/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương. Chị T còn phải nộp số tiền 300.000đồng án phí.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Nam Sách;
- CCTHADS huyện Nam Sách;
- UBND xã Thái Tân để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu hồ sơ vụ án; Lưu văn phòng.

Phạm Thúy Hằng